true friend KIS Viet Nam Securities Corporation

Trái phiếu doanh nghiệp

9/1/2026

Thống kê TPDN

Phát hành tăng dần và áp lực đáo hạn suy giảm

Không xếp hạng

Giá trị phát hành của các ngành tăng vọt

- Trong tháng 12/2025, tổng giá trị trái phiếu phát hành đạt 84.355 tỷ đồng (Hình 1), 3% n/n và 140% t/t.
- Ngành Ngân hàng với tổng phát hành 56.859 tỷ đồng, 81% n/n, chiếm 67% tổng lượng phát hành (Hình 2). Dẫn dắt bởi BIDV (9.345 tỷ đồng), VIB (7.000 tỷ đồng), và VABC (5.000 tỷ đồng, bảng 1).
- Ngành Bất động sản chỉ phát hành 9.690 tỷ đồng, -73% n/n, chiếm 11% tổng giá trị tháng 12. Các nhà phát hành lớn gồm: Phát Đạt (5.400 tỷ đồng) và Xây Dựng Thái Sơn (2.000 tỷ đồng , bảng 1).
- Lãi suất bình quân trong tháng 12 giảm ở mức 7,8%, -0,5 đpt so với tháng trước (Hình 3). Lãi suất bình quân của Ngân hàng tăng lên 6,8% Trong khi Bất động sản giữ vững mức 11.1%.
- Về kỳ hạn, 66,61% lượng trái phiếu phát hành trong tháng có kỳ hạn dưới 3 năm, 9,14% tập trung kì hạn 3–5 năm, 18,34% từ 5–7 năm , 4,72% trong khoảng 7–10 năm, và 1,19% cho kì hạn lớn hơn 10 năm (Hình 4).

Giá trị mua lại trái phiếu ngân hàng tiếp tục chiếm ưu thế

- Tháng 12/2025, tổng giá trị trái phiếu được mua lại tăng đến 37.432 tỷ đồng, +108% t/t, -12.4% n/n (Hình 5), chủ yếu đến từ nhóm ngành ngân hàng, đóng góp 68% tổng giá trị mua lại:
  - VIB đã mua lại với tổng giá trị 4.790 tỷ đồng, chiếm 12,7% tổng giá trị mua lại trong tháng.
  - TPB mua lại 3.966 tỷ đồng trái phiếu, chiếm 10,60% tổng giá trị mua lại trong tháng.
  - OCB chi 3.700 tỷ đồng cho hoạt động mua lại, chiếm 9.90% tổng giá trị mua lại tháng 12 (Bảng 4).

Áp lực đáo hạn có xu hướng gia tăng trong tháng 1

- Tổng giá trị thanh toán trễ trong tháng 12 tăng lên 646 tỷ đồng, +52,4% t/t và -71% n/n, bao gồm 366.2 tỷ đồng chậm trả lãi và 280 tỷ đồng chậm trả gốc (Hình 7).
- Bất động sản Hải Đăng đối mặt với lượng trái phiếu đáo hạn cao nhất trong tháng 12 là 2.850 tỷ đồng (Bảng 6).
- Dự báo tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn trong tháng 1 sẽ đạt 11.659 tỷ đồng, giảm -47% t/t (Hình 8), với Ngành Bất động sản chiếm 81% tổng giá trị đáo hạn, tiếp theo là ngành ngân hàng với 8%. Ngành Sản xuất và Chứng khoán chiếm tỷ trọng tương đương 4% (Hình 9).

Phòng phân tích
Researchdept@kisvn.vn

Analysts who prepared this report are registered as research analysts in Vietnam but not in any other jurisdiction, including the U.S.
PLEASE SEE ANALYST CERTIFICATIONS AND IMPORTANT DISCLOSURES & DISCLAIMERS AT THE END OF THIS REPORT.

Trong tháng 12, tổng giá trị phát hành trái phiếu tăng 84,355 tỷ đồng, +140% t/t và -3% n/n.

Hình 1. Tổng giá trị phát hành giảm 140% t/t và -3% n/n trong tháng 12

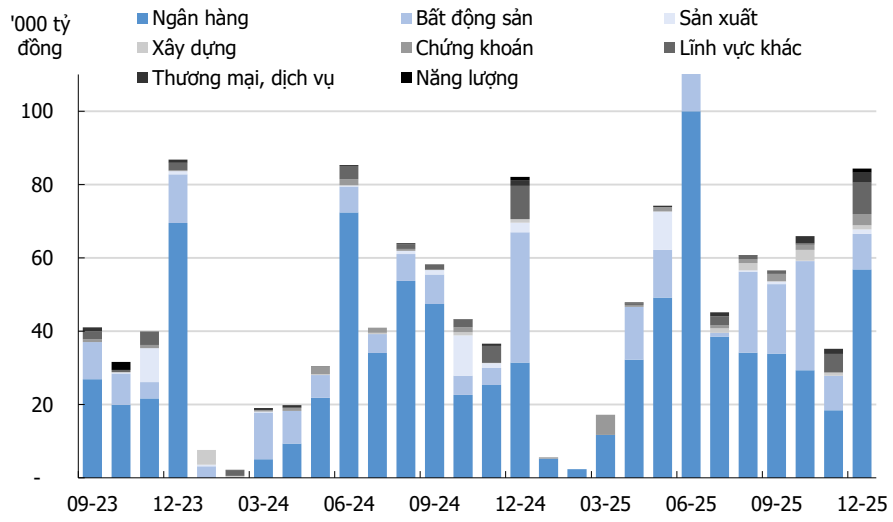

Nguồn: HNX, KIS Research
Lưu ý: Dữ liệu được thu thập vào ngày 08/01/2026

Phát hành trái phiếu từ ngành ngân hàng chiếm tỷ trọng cao nhất tới 67% trong tháng 12 và 67% trong lũy kế 12 tháng đầu năm.

Hình 2. Ngành ngân hàng thống trị việc phát hành trong tháng 12

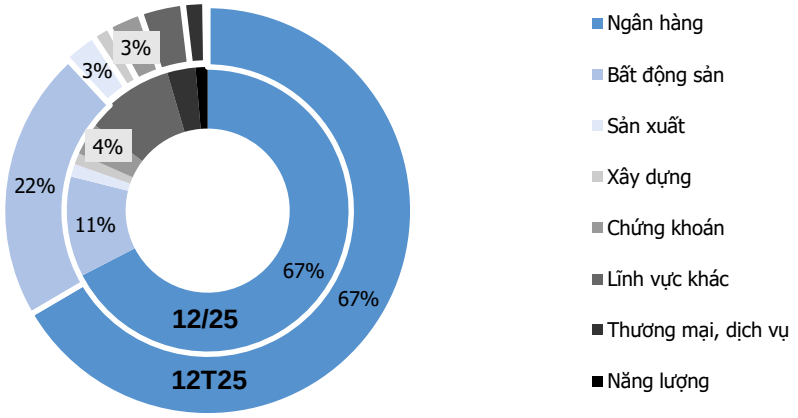

Nguồn: HNX, KIS Research
Lưu ý: Dữ liệu được thu thập vào ngày 08/01/2026

Lãi suất trái phiếu bình quân hướng xuống 7.8%. Lãi suất ngành ngân hàng tăng lên mức 6,8%, trong khi ngành bất động sản giữ vững 11.1%.

Hình 3. Lãi suất trái phiếu ngân hang và bất động sản tăng trong tháng 12

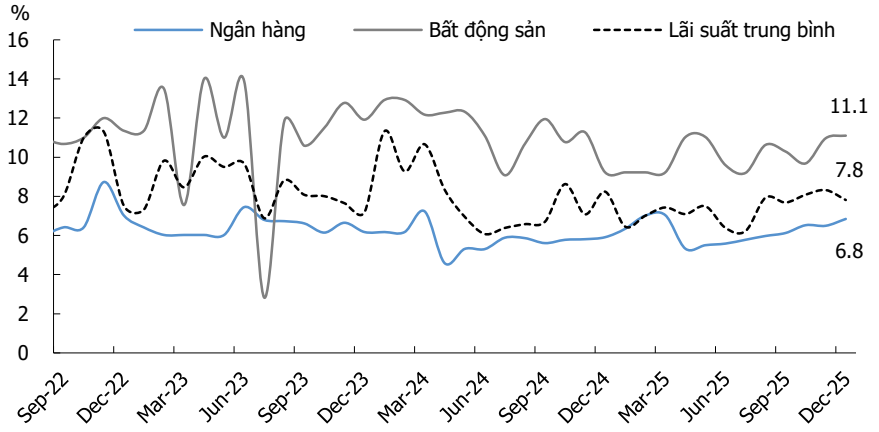

Nguồn: HNX, KIS Research
Lưu ý: Dữ liệu được thu thập vào ngày 08/01/2026

Trái phiếu ngắn hạn (≤ 3 năm) chiếm 66,61% tổng số trái phiếu phát hành.

Hình 4. Cấu trúc kỳ hạn tập trung vào dưới 3 năm

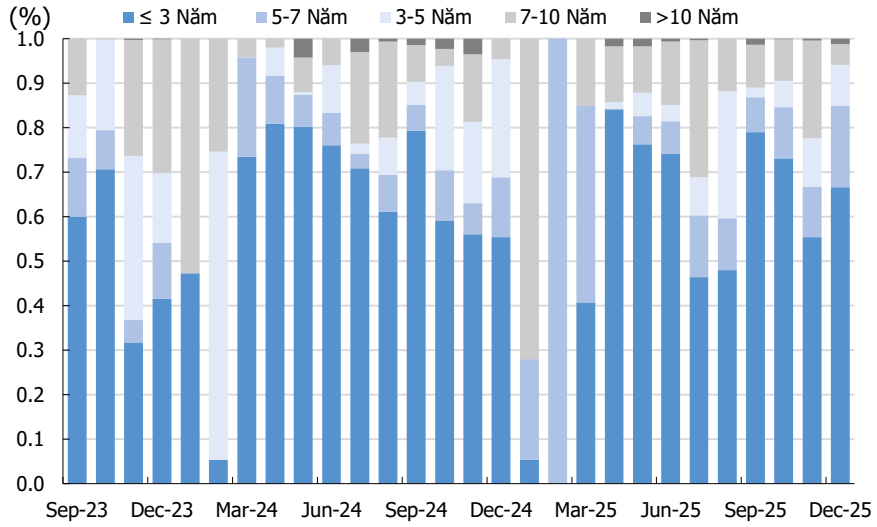

Nguồn: HNX, KIS Research
Lưu ý: Dữ liệu được thu thập vào ngày 08/01/2026

Tổng giá trị mua lại đạt 37.432 tỷ đồng, -12,4% n/n trong tháng 12.

Hình 5. Giá trị mua lại lũy kế 12 tháng năm 2025 tăng 51% n/n.

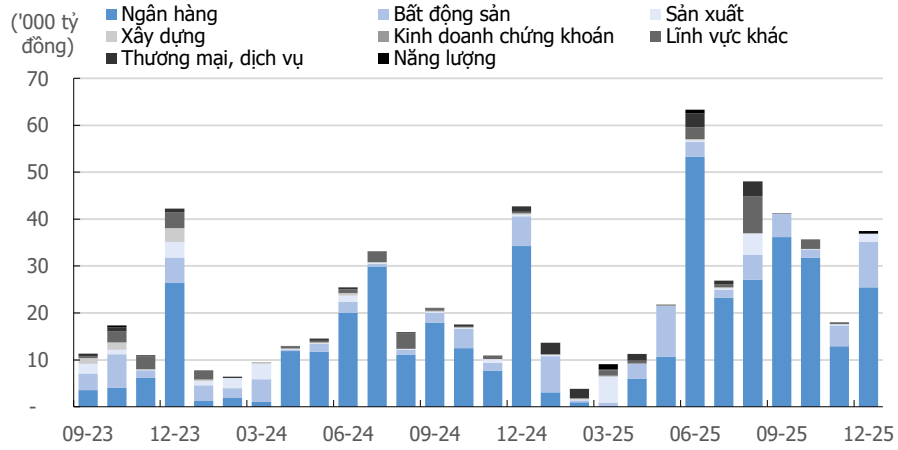

Nguồn: HNX, KIS Research
Lưu ý: Dữ liệu được thu thập vào ngày 08/01/2026

Bảng 1: Top 20 phát hành mới trong tháng 12 năm 2025. (tỷ đồng, tháng, %)

Nhà phát hành	Tháng	Ngành	Giá trị	Kỳ hạn	Lãi suất
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12	Ngân hàng	9.345	24 - 180	6,13 - 6,68
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	12	Ngân hàng	7.000	24 - 36	6,9 - 7,5
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG KHÔNG VIETJET	12	Lĩnh vực khác	6.500	60 - 84	10
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển bất động sản Phát Đạt	12	Bất động sản	5.400	30	11
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	12	Ngân hàng	5.000	24	5,8
NH TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG	12	Ngân hàng	5.000	24 - 36	6,5 - 7,6
NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK)	12	Ngân hàng	4.530	24 - 96	6,4 - 7,5
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	12	Ngân hàng	4.500	36	6,5 - 7,2
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM	12	Ngân hàng	4.000	24	4,8 - 5,8
Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK)	12	Ngân hàng	3.200	71.9	7,6
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín	12	Ngân hàng	2.500	84	7,4 - 8,2
NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	12	Ngân hàng	2.330	84 - 120	6,4 - 7,28
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ QUỐC TẾ THISO	12	Thương mại và dịch vụ	2.200	36	8
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Bắc Á	12	Ngân hàng	2.000	36	6,5 - 7,5
Ngân hàng TMCP Phương Đông	12	Ngân hàng	2.000	24 - 36	6,4 - 6,9
CÔNG TƯ CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÁI SƠN	12	Bất động sản	2.000	24	12,5
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	12	Chứng khoán	1.998	24 - 36	8 - 8,2
Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	12	Ngân hàng	1.862	119.8	7,68 - 8,18
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BECAMEX-CTCP	12	Bất động sản	1.340	36 - 60	10,3
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	12	Ngân hàng	1.100	84	8,2
		Tổng cộng	**84.355**		

Nguồn: HNX, KIS Research
Lưu ý: Dữ liệu được thu thập vào ngày 08/01/2026

Bảng 2: Các ngành và nhà phát hành lớn nhất trong năm 12T25. (tỷ đồng, tháng, %)

Ngành/ Nhà phát hành lớn	Tổ chức liên quan	Giá trị	Kỳ hạn	Lãi suất
Ngân hàng		**411.680**		
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Masan Group	52.750	24 - 36	5 - 7,2
Ngân hàng TMCP Á Châu		36.850	24 - 60	4,95 - 7
Ngân hàng TMCP Phương Đông		36.400	24 - 36	5,1 - 6,9
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		32.303	24 - 240	5,68 - 6,68
Ngân hàng TMCP Quân đội	Viettel, Tan Cang Saigon	32.174	36 - 120	5 - 7,28
NH TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG		30.400	24 - 36	5,2 - 7,6
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam		27.470	24 - 180	0 - 6,68
Ngân hang quốc tế VIB		21.200	24 - 96	5,6 - 7,5
Ngân hàng Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	Sovico Group	19.362	24 - 96	0 - 7,5
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam		18.550	36 - 120	5,8 - 7,6
Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong		17.241	24 - 120	5,5 - 8,18

Bất động sản		**132.228**		
Vingroup		31.000	24 - 36	11 - 12,5
Vinhomes	Vingroup	15.000	39 - 42	11
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BĐS TRƯỜNG MINH		10.000	12 - 36	8,95 - 9,8
Sản xuất		**16.314**		
Sản Xuất Và Kinh Doanh Vinfast	Vingroup	12.500	36	12 - 12,5
Goldsun		800	36	10,8
Thành Thành công - Biên Hòa	TTC Agris	500	36	9,6
Chứng khoán		**16.230**		
CTCP VPS		5.000	24	8,3
CTCP Chứng Khoán Rồng Việt		2.960	12	8 - 8,2
Thương mại và dịch vụ		**10.570**		
Đầu Tư Và Phát Triển Du Lịch Phú Quốc		2.400	60	9,7
Xây dựng		**8.555**		
CTCP PHÁT TRIỂN TN		2.950	59,9	8,75
Ngành khác		**21.743**		
CTCP Hàng Không Vietjet	Sovico Group	10.500	60 - 84	9,72 - 10,5
CTCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM QUANG		4.500	84 - 108	9 - 9,1
	Tổng	**618.461**		

Nguồn: HNX, KIS Research
Lưu ý: Dữ liệu được thu thập vào ngày 08/01/2026

Bảng 3: Các ngành và nhà phát hành lớn nhất trong năm 2024. (tỷ đồng, tháng, %)

Ngành/ Nhà phát hành lớn	Tổ chức liên quan	Giá trị	Kỳ hạn	Lãi suất
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Masan Group	36.090	24 - 60	3,7 - 6
Ngân hàng TMCP Á Châu		34.390	24 - 60	4,5 - 6,1
Ngân hàng Phát triển thành phố Hồ Chí Minh	Sovico Group	33.440	24 - 96	4,8 - 7,8
Ngân hàng TMCP Phương Đông		27.500	24 - 36	4,9 - 5,6
Ngân hàng TMCP Quân đội	Viettel, Tan Cang Saigon	27.406	24 - 120	5,28 - 6,67
Ngân hàng		**323.016**		
Vinhomes	Vingroup	27.500	24 - 36	12
Vingroup		14.000	24 - 36	12,5 - 15
Công ty TNHH thương mại dịch vụ tổng hợp An Thinh		7.000	84	3
CTCP đầu tư và phát triển NEWCO		6.900	12 - 60	9
CTCP Đầu tư và Du lịch Vạn Hương		5.616	36	10
Bất động sản		**104.000**		
Vinfast Production And Trading	Vingroup	10.500	24 - 60	13,5
CTCP Nhiệt điện Thăng Long		1.800	36	10
CTCP Thành Thành công - Biên Hòa	TTC Agris	1.200	36	10,17 - 11
Sản xuất		**18.072**		
CTCP chứng khoán Rồng Việt		3.862	18	7,18 - 8
CTCP chứng khoán Kỹ thương		3.089	12	8 - 8,3
Chứng khoán		**8.437**		
CTCP hàng không Vietjet		11.000	60	10,5 - 11
CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	VNDIRECT	3.298	60	9,5

Ngành khác		**23.753**		
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	CII	4.021	24 - 120	9,95 - 11
CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh		1.200	117	10,5
Xây dựng		**7.091**		
CTCP thương mại Du lịch Lạc Hồng		1.200	36	9
CTCP kinh doanh F88		570	12	10,5 - 11,5
Thương mại và dịch vụ		**4.100**		
	Tổng	**488.468**		

Nguồn: HNX, KIS Research
Lưu ý: Dữ liệu được thu thập vào ngày 08/01/2026

Ngành ngân hàng chiếm tỷ trọng cao mua lại trái phiếu, chiếm 68% tổng giá trị mua lại tháng 12.

Hình 6. Ngân hàng áp đảo trong việc mua lại trái phiếu tháng 12.

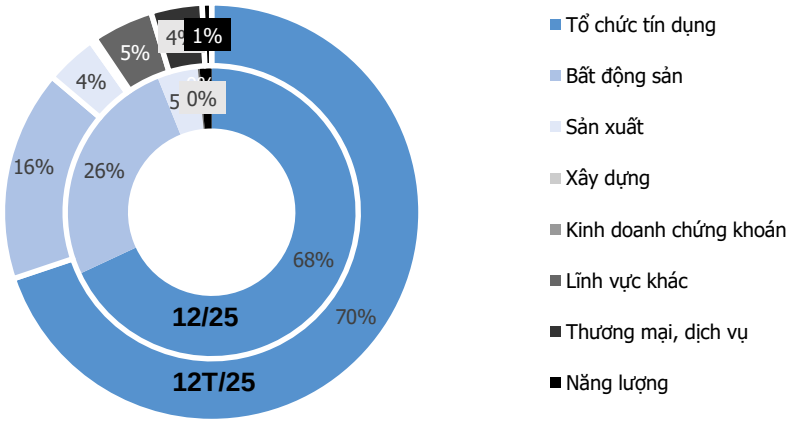

Nguồn: HNX, KIS Research
Lưu ý: Dữ liệu được thu thập vào ngày 08/01/2026

Bảng 4: 20 trái phiếu có giá trị mua lại lớn nhất. (tỷ đồng)

Mã trái phiếu	Nhà phát hành	Ngành	Giá trị mua lại	Giá trị còn lại	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
CPLCB2328003	Công ty TNHH CAPITALAND TOWER	Bất động sản	4.331	500	12/27/2023	12/27/2030
SHBLH2330001	SHB - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	Ngân hàng	2.448	0	06/30/2023	06/30/2030
TMTCH2330001	CTCP Đầu tư phát triển BĐS TMT	Bất động sản	2.015	0	12/22/2023	12/22/2026
TCBL2326010	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	Ngân hàng	2.000	0	12/13/2024	12/13/2027
VIBL2427009	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng	2.000	0	12/12/2024	12/12/2027
OCBL2427024	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	2.000	0	12/04/2024	12/04/2027
VIBL2427008	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng	2.000	0	12/29/2023	12/29/2028
SLTCH2328001	Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Sài Gòn - Lâm Đồng	Bất động sản	1.607	0	12/16/2024	12/16/2026
ABBL2426003	Ngân hàng TMCP An Bình (ABBANK)	Ngân hàng	1.600	0	12/24/2024	12/24/2027
LPBL2427009	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam	Ngân hàng	1.000	0	12/30/2024	12/30/2026
PGB12401	Ngân hàng Thương mại cổ phần Thịnh vượng và Phát triển	Ngân hàng	1.000	0	12/20/2024	12/20/2027
MSBL2427012	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	Ngân hàng	1.000	0	12/19/2024	12/19/2027
TPBL2427034	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	Ngân hàng	1.000	0	12/20/2024	12/20/2027

TPBL2427037	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	Ngân hàng	1.000	0	12/23/2024	12/23/2027
MSBL2427013	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	Ngân hàng	1.000	0	12/11/2024	12/11/2027
OCBL2427023	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	1.000	0	12/12/2023	12/12/2030
VIBL2330005	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng	1.000	0	12/10/2024	12/10/2027
OCBL2427022	Ngân hàng TMCP Phương Đông	Ngân hàng	1.000	0	06/22/2020	06/22/2026
TPACH2024003	CÔNG TY TNHH THÀNH PHỐ AQUA	Bất động sản	1.000	0	04/29/2022	04/29/2026
GSPCB2225001	CTCP In và Bao bì Goldsun	Sản xuất	1.000	170	09/17/2021	09/17/2026

Nguồn: HNX, KIS Research
Lưu ý: Dữ liệu được thu thập vào ngày 08/01/2026

Tổng giá trị trả chậm tháng 12 là 646 tỷ đồng, -71% n/n.

Hình 7. Giá trị trả chậm tháng 12 gia tăng

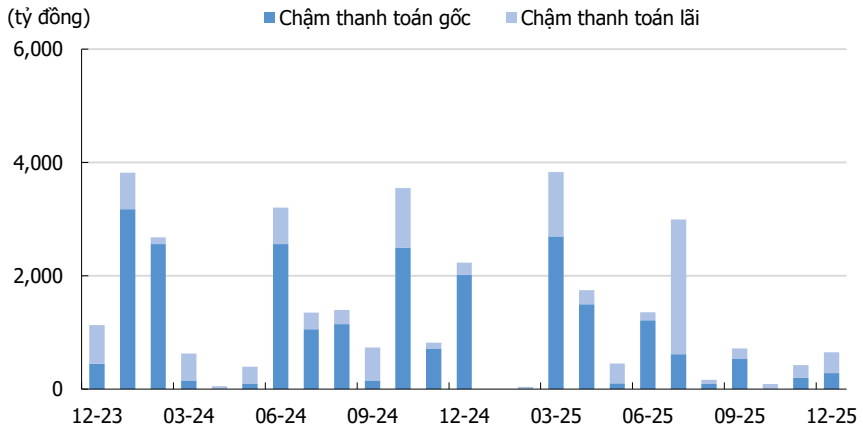

Nguồn: HNX, KIS Research
Lưu ý: Dữ liệu được thu thập vào ngày 08/01/2026

Bảng 5: Các nhà phát hành trả chậm tháng 12 (tỷ đồng)

Nhà phát hành	Ngành	Gốc chậm thanh toán	Lãi chậm thanh toán
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THIÊN HÀ- BĂNG DƯƠNG	Xây dựng		154,6
Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Lĩnh vực khác	280	42,2
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát	Bất động sản		10
Công ty cổ phần Sapphire Coast	Bất động sản		22,3
Công ty cổ phần Tập đoàn R&H	Bất động sản		137,1
	Tổng	**280**	**366,2**

Nguồn: HNX, KIS Research
Lưu ý: Dữ liệu được thu thập vào ngày 08/01/2026

Áp lực đáo hạn trong tháng 1/2026 đạt 11.659 tỷ đồng, thấp hơn -47% t/t .

Hình 8. Áp lực đáo hạn dự kiến sẽ giảm trong tháng 1.

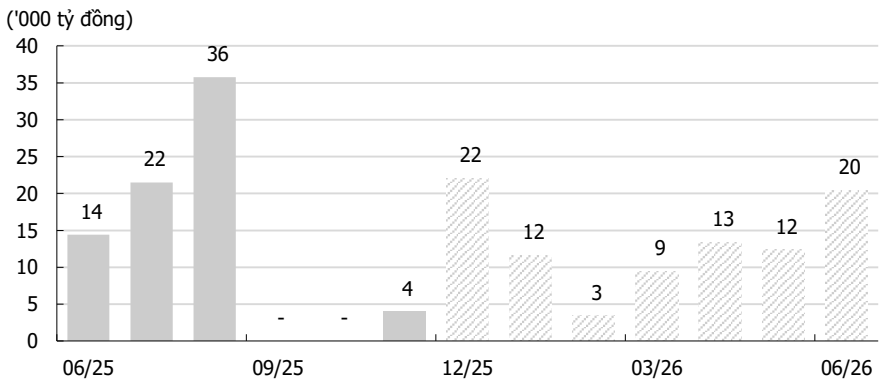

Nguồn: HNX, KIS Research
Lưu ý: Dữ liệu được thu thập vào ngày 08/01/2026

Áp lực đáo hạn tập trung ở nhóm Bất Động Sản (81%), Ngân Hàng (8%), Sản Xuất (4%) và Chứng Khoán (4%)

Hình 9. Ngành bất động sản đối mặt với áp lực đáo hạn lớn trong tháng 1.

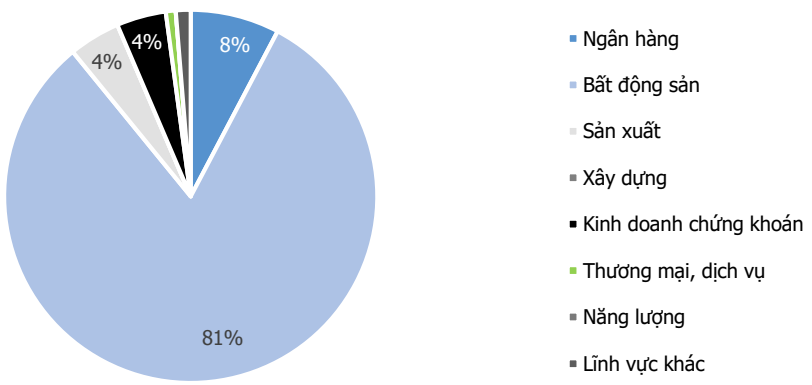

Nguồn: HNX, KIS Research
Lưu ý: Dữ liệu được thu thập vào ngày 08/01/2026

Bảng 6: 10 nhà phát hành lớn dự kiến đối mặt với áp lực đáo hạn trong tháng 1 (tỷ đồng)

Nhà phát hành	Mã chứng khoán	Ngành	Giá trị đáo hạn
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Hải Đăng		Bất động sản	2.850
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vạn Trường Phát		Bất động sản	2.000
CÔNG TƯ CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÁI SƠN		Bất động sản	1.890
CTCP Sunshine AM	SAMC	Bất động sản	1.000
CTCP Phát triển Tập đoàn Sunshine	KSF	Bất động sản	1.000
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN MẶT TRỜI TRUNG NAM		Sản xuất	1.000
NH TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBANK)	HDB	Ngân hàng	900
CTCP chứng khoán Kỹ thương	TCX	Chứng khoán	500
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đại Thịnh Phát		Bất động sản	500
Công ty TNHH Đầu tư và Bất động sản Diên Vĩ		Bất động sản	386

Nguồn: HNX, KIS Research
Lưu ý: Dữ liệu được thu thập vào ngày 08/01/2026

- **Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp.. với cổ phiếu dựa trên lợi nhuận kỳ vọng trong 12 tháng tới**
  - MUA: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là 15% hoặc hơn.
  - Nắm giữ: Tổng lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 15%.
  - Bán: Tổng lợi nhuận kỳ vọng là -5% hoặc thấp hơn.
  - KIS Vietnam Securities Corp.. không cung cấp giá mục tiêu với cổ phiếu khuyến nghị Nắm giữ hoặc Bán.

- **Nguyên tắc đánh giá của KIS Vietnam Securities Corp.. với ngành trong 12 tháng tới**
  - Nâng tỷ trọng: Khuyến nghị tăng tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
  - Trung lập: Khuyến nghị giữ tỷ trọng của ngành trong danh mục bằng với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.
  - Giảm tỷ trọng: Khuyến nghị giảm tỷ trọng của ngành trong danh mục so với tỷ trọng dựa trên vốn hóa của ngành trong VNIndex.

- **Xác nhận của chuyên viên phân tích**

Chúng tôi, chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này, xác nhận rằng báo cáo phản ánh chính xác quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty được phân tích trong báo cáo. Chúng tôi cũng xác nhận rằng chúng tôi đã, đang và sẽ không nhận được các khoản lợi ích cá nhân nào, liên quan đến khuyến nghị và quan điểm trong báo cáo, một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

- **Thông tin công khai quan trọng**

Ở thời điểm cuối tháng liền trước của ngày phát hành báo cáo (hoặc cuối tháng thứ 2 liền trước nếu ngày phát hành báo cáo sau ngày cuối tháng liền trước ít hơn 10 ngày), KIS Vietnam Securities Corp.. hoặc các bên liên quan không nắm giữ 1% hoặc nhiều hơn cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo.

Không có mâu thuẫn lợi ích quan trọng nào giữa chuyên viên phân tích, KIS Vietnam Securities Corp.. và các bên liên quan tại thời điểm phát hành báo cáo.

KIS Vietnam Securities Corp.. hoặc các bên liên quan không quản lý hoặc đồng quản lý việc phát hành ra công chúng cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo trong vòng 12 tháng qua.

KIS Vietnam Securities Corp.. hoặc các bên liên quan không nhận được khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong 12 tháng qua; KIS Vietnam Securities Corp.. hoặc các bên liên quan không kỳ vọng hoặc tìm kiếm các khoản lợi ích nào từ dịch vụ ngân hàng đầu tư từ công ty được phân tích trong báo cáo trong ba tháng tới.

KIS Vietnam Securities Corp.. hoặc cá bên liên quan không tạo lập thị trường cho cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại thời điểm phát hành báo cáo.

KIS Vietnam Securities Corp.. không nắm hơn 1% cổ phần của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 8/07/2025.
KIS Vietnam Securities Corp.. đã không cung cấp trước báo cáo này cho các bên thứ ba khác.
Cả chuyên viên phân tích thực hiện báo cáo này và người liên quan không sở hữu cổ phiếu của công ty được phân tích trong báo cáo tại ngày 8/07/2025.

Người thực hiện: Phòng phân tích

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo phân tích này và các tại liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của KIS Vietnam Securities Corp.., công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS Vietnam Securities Corp...

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình Biểu đồ tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình Biểu đồ tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. KIS Vietnam Securities Corp.. không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. KIS Vietnam Securities Corp.., hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của KIS Vietnam Securities Corp... Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Copyright ⓒ 2025 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.